

Phụ lục 4
BẢNG GIÁ ĐẤT KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP
(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày 01 tháng 01 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: nghìn đồng/m²

I. KHU KINH TẾ

STT	Tên Khu Kinh tế	Giá đất
I	Khu Cửa khẩu quốc tế Thường Phước	
1	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ	
	- Đường ĐT 841 (đoạn từ cầu Thường Phước đến cửa khẩu Thường Phước)	1.140
	- Đường ra bến nước khu báo thuế và đường nội bộ rộng từ 7-10 mét	690
2	Đất thương mại dịch vụ	
	- Đường ĐT 841 (đoạn từ cầu Thường Phước đến cửa khẩu Thường Phước)	1.290
	- Đường N1 và đường nội bộ rộng từ 7-10 mét	780
II	Khu Cửa khẩu quốc tế Dinh Bà	
1	Đất ở Trung tâm thương mại chợ Dinh Bà	
	- Đất ở đường Quốc lộ 30, lộ 30 cũ	6.400
	- Các đường còn lại	5.400
2	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ	
	- Trung tâm thương mại chợ Dinh Bà	3.200
	- Quốc lộ 30 (đoạn từ chợ Dinh Bà đến cuối đường)	900
	- Đường nội bộ có kích thước mặt đường rộng từ 7 mét trở lên	740
3	Đất thương mại dịch vụ	
	- Trung tâm thương mại chợ Dinh Bà	4.200
	- Quốc lộ 30 (đoạn từ chợ Dinh Bà đến cuối đường)	1.020
	- Đường nội bộ có kích thước mặt đường rộng từ 7 mét trở lên	840

II. KHU CÔNG NGHIỆP

STT	Tên Khu công nghiệp	Giá đất
1	Khu công nghiệp Trần Quốc Toản	1.500
2	Khu công nghiệp Sông Hậu	1.660
3	Khu công nghiệp Sa Đéc	
	- Khu A1	1.540
	- Khu C	1.600
	- Khu C mở rộng	1.580
4	Khu công nghiệp Soài Rạp	1.128
5	Khu công Nghiệp Tân Hương	1.320
6	Khu công nghiệp Long Giang	1.200
7	Khu công nghiệp Mỹ Tho	2.160

III. CỤM CÔNG NGHIỆP

STT	Tên Cụm công nghiệp	Đơn giá
1	Cụm công nghiệp Cái Tàu Hạ - An Nhơn	1.800
2	Cụm công nghiệp Tân Lập	1.650
3	Cụm công nghiệp Bình Thành	1.800
4	Cụm công nghiệp Tân Dương	1.600
5	Cụm công nghiệp Mỹ Hiệp	1.600
6	Cụm công nghiệp Vàm Cống	1.800
7	Tuyến công nghiệp Bắc Sông Xáng Lấp Vò	1.600
8	Cụm công nghiệp Dịch vụ - Thương mại Trường Xuân	
	- Đã san lấp	1.680
	- Chưa san lấp	1.200
9	Cụm công nghiệp Quảng Khánh (giai đoạn 1)	3.598
10	Cụm công nghiệp Phong Mỹ	2.000
11	Cụm công nghiệp An Thạnh	2.400
12	Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, 2	1.128
13	Cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh	1.440
14	Cụm công nghiệp Trung An	1.800